

I.

Tôi gọi Sâm là cô Sâm vì nó là con gái nuôi một ông chú họ tôi. Rắc rối, tên tuổi của ta theo thứ bậc, thay bằng tên chồng, tên con, tên cháu. Lại thường phải gọi cô Sâm là cô Ngũ - tên thằng con trai. Cô Sâm ngoài sáu mươi, cũng đã mất năm ngoái. Chẳng có bệnh đáng bệnh, mà bệnh già. Người đét như con mắm, bệnh hậu sản. Mòn mỗi dần, nhưng vẫn chỉ ăn cháo đặc như cơm nát - người làng hay thành kiến: có ốm mới phải húp cháo loãng! Một đêm kia, bà lão Sâm nhắm mắt như người đi ngủ.

Vợ chồng thằng Ngũ lo ma cho mẹ tươm tất, đầy đủ. Hội các vãi già cầm cây phướn, lại đội cầu râm ran kể lễ suốt dọc đường đến tha ma. Trong làng, các cụ quy tiên thọ ngoài sáu mươi, đám ma trang trọng và đầm ấm, những trăm vàng điều được gỡ ra thúng, rắc đều như tung hoa tử sân nhà ra đồng. Hai bánh pháo dài hai thước, một bánh đốt lúc trai làng nâng cữu ra xe tang, một bánh nổ thật giòn khi hạ huyệt. Bây giờ không còn hủ tục trẻ con lau nhau cằm cờ trắng đám ma rồi chốc nữa chạy về ăn cỗ, trai làng khiêng cữu rước cữu

trên vai, ông lão cao tuổi nhất mặc áo thụng lượt thâm cầm sinh gõ nhịp cho đô tùy liệu bước lúc đi, lúc đứng, lúc nghỉ và gia chủ còn bày vẽ con trai gậy vòng gậy tre, con dâu con gái lăn đường, đội mũ mấn, áo quần xô gai lòi thoi, khóc lóc kể lễ, thương xót thật cũng có, giả vờ ngắt và khóc cạnh khố cũng có.

Thời nay, việc hiếu việc hỉ, cái buồn cái vui vẫn có làng có xóm, nhưng mà cũng tiêm tiêm. Người có máu mặt chẳng nói làm gì, nhưng mà túng kiệt, bà con xúm vào giúp rập, không đến nỗi đứng đờ đẫn thối thối đưa khố rách. Vì dẫu sao cũng không hết được ma chê cướp trách, nhưng ai cũng khen nhà thằng Ngũ thế là đã lo được cho mẹ mồ yên mả đẹp. Rồi lại cũng như mọi nhà - ma chay bây giờ không cỗ bàn bên cái quan tài, đợi đến hôm bốn mươi chín ngày, các cụ ông đến chong đèn đánh tổ tôm suốt đêm, nhà Ngũ biện mười mâm cơm cúng, mời láng giềng họ hàng “đến xơi chén rượu nhạt cho vợ chồng cháu được đội ơn các cụ đã có lòng thương khi mẹ cháu đôi năm mươi về với tổ tiên.” Ngã con lợn đến ngót bốn chục cân. Hể hủ cả. Đám ma mẹ thằng Ngũ, cũng như mọi đám đưa các cụ về quê được đầy đủ, tử tế. Chẳng ai nói ra nói vào, không thành chuyện dè bủ, chuyện hàng nước, đầu hè. Dẫu cho thời buổi bây giờ vẫn có lệ làng. Thế là người sống người chết đều mát mặt.

Tôi cũng nghĩ như mọi người trong làng. Có điều, ở con người vừa mất đi ấy, tôi cũng bằng chà lúa, nhiều khi thấy chẳng lạ, nhiều khi lại thấy những cái biết của mình về bà lão Sâm cũng chẳng đến đâu. Từ tám bé, vẫn là xóm giềng. Bọn trẻ chúng tôi nô đùa chơi nhớn thường ngày. Sâm là con bé nghịch tinh, tai tiếng con mẹ ranh, con mắt hiếng, mắt lác, thần nanh đỏ mỏ - các bà mẹ của nó. Người bị Sâm trêu chọc réo lên chửi Sâm thế. Sâm cứ nhờn nhờn.

Đến khi lớn lên tự dưng cái Sâm đi đâu mất. Bao nhiêu năm sau lại trở về.

Cuộc đời như mẹ thằng Ngũ cũng chẳng đáng để tâm. Nhưng phải cái bây giờ người ta hay tôn lên hoặc giấu đi, nói dối lý lịch, gia phả. Cũng bởi thế, trong lý lịch, sơ yếu lý lịch của người đi công tác, về mục thành phần cha mẹ, ông bà thường ghi “nhà nho nghèo”, “viên chức nhỏ”, “trung nông lớp dưới” những chữ chẳng một chút giá trị pháp lý. Chỉ chúng tỏ là không nói dối, nhưng cái thằng Ngũ chỉ làm công tác thống kê ở xã, không cấp trên nào cần xem xét gốc gác của nó. Chứ bố nó quê quán đâu, không ai biết. Ngũ cũng không biết hay biết mà không muốn nói. Ai hỏi đến cứ ù ở đại khái bảo nghe đâu bố quê đồng chiêm, lang bạt đi cắt tóc các chợ quê. Cái nghề húi đầu trong làng, ai chẳng múa được. Chỉ đi quanh mấy xóm, vẫn vài cái đầu trẻ con không lấy tiền cho thuộc mặt con dao,

cái kéo, thế là ra ngôi chợ được rồi. Bố thằng Ngũ lúc nào cũng khắc khừ - người ta bảo các ông thợ húi cả ngày hít phải tóc con vào phổi ai cũng ho lao, lại nghiện rượu. Lão ốm chết đã lâu. Ai thực biết được cái lão thợ cạo ấy cha cằng chú kiết ra sao.

Tôi không bối móc những ai khai báo lý lịch, bố làm công chức thời Pháp thì viết là cu li đế quốc, nghề cửa xẻ đóng cối thì xưng là công nhân mộc nhà máy. Việc đó đã có lương tâm họ chửi, nếu họ còn cái lương tâm. Và tao cũng không hoài hơi tố cáo lý lịch thằng Ngũ với bí thư, chủ tịch xã chỉ trạc tuổi mày bây giờ, không phân biệt được thế nào là lý trưởng, phó lý, chánh phó hội. Tôi chỉ muốn than thở và buồn rằng vài ba chữ ở tờ lý lịch làm sao vẽ nên được đời con người mỗi ngày qua, một ngày tới, lại một khác nhau.

Đến như cái Sâm mà tôi thuộc cả trên đầu nó chỗ nào có sẹo, thuở bé Sâm để trái đào rồi tóc cun cút..., mà cũng coi như chẳng biết là bao nữa là. Người có tuổi ít muốn nói lại chuyện xưa kia, chẳng cần cho ai. Đối với con cháu đôi khi còn đâm ra lòi thối, phiền nhiễu nữa là đằng khác. Đám trẻ bây giờ thì không để ý đến ngày xưa. Thằng Ngũ cũng chẳng biết mẹ nó, bố nó ngày trước. Không phải bố mẹ và con cái bao giờ và cái gì cũng trò chuyện với nhau. Nếu như bảo bố nó ngày xưa khổ rách áo ôm thì còn vô thưởng vô phạt chứ lại bảo ông ấy là tiên chỉ, là thủ từ - các nhà chức việc

bây giờ không biết được mâm trên mâm dưới từ hồi mô ma Tây, Nhật đâu.

Mà tôi đã nói rồi, những cái đó chẳng ăn nhằm đến công việc làm ăn của nhà Ngũ. Ngũ cũng cấp sách hết lớp một, loáng thoáng lớp hai rồi đi quẩy, đi vác, chạy chợ với mẹ.

Từ bốn giờ sáng, Ngũ đã vừa đi vừa ngáp ra đến chợ Cầu cạnh bến Nứa - ở đấy người ta bán đổi vai đi các chợ khác. Mùa nào thức ấy, rau cải, hành hoa, cà chua, su hào, hoa lơ... các vùng bên Bắc quẩy sang. Các chợ trong thành phố và chợ ngoại ô phía ấy, phía nam, ô Chợ Dừa, chợ Mơ, chợ Bưởi đều từ tờ mờ ra đây mua rau củ quay về cho kịp bán sớm. Chưa mười lăm tuổi, Ngũ đã thay hẳn bố, gà gáy đi chợ, về đi bán hàng. Chẳng biết ai dạy, Ngũ không cầm cái tông đơ, con dao cạo như bố mà Ngũ làm nghề bán “tào phớ” và chè đậu xanh mà bố mách nước rao chè đậu xanh thì bắt chước người Tàu rao cho lạ tai “lục tào xa... lục tào xa...”, đất hàng hơn - vẫn bố tán chuyện người Tàu lấu cá, một chình mười quả táo, cũng quả táo ấy đem dầm đường bán hai quả táo một chình. Thằng Ngũ gánh nhẹ nhàng, bên chiếc thùng gỗ đậu hũ tào phớ mùa hè. Khi trời lạnh, đặt cái hỏa lò lót dưới nồi chè đậu xanh, một bên chạn thìa và bát với chiếc giẻ lau khăn. Tào phớ bán buổi trưa, “lục tào xa” gánh đi từ chập tối đến khuya. Quanh quần mấy góc ngách phố đầu ô, một lúc đã hết.

Đến khi lấy vợ, Ngũ vẫn bồng bênh gồng gánh thế. Về làng lại còn tham gia công tác thống kê, kiêm cả thông tin thôn. Lẽo đẽo đầu xóm cuối xóm vênh cái loa sắt tây a lô... a lô... thằng mõ thời đế quốc cũng thế, hay hóm nổi gò, gọi là thằng thông tin, thằng a lô cho mỹ tự - những người ác khẩu ngồi bĩ báng nói đồng. Nhưng Ngũ chẳng khi nào vắng mặt mọi cuộc “cờ, đèn, hồ, kéo, đinh, dây” treo đèn cật hoa trang trí hội trường và cả các đám cưới cũng không thể không mời Ngũ giúp một tay làm chim hòa bình, chữ hỷ, hai chữ cái đầu tên chú rể cô dâu xoắn lỏng vào nhau...

Công tác lẫn lộn việc làm ăn, ngày tháng thoi đưa. Cả đời, chẳng khi nào mẹ và bố Ngũ rỗi hơi, nhiều sự kể lể ngày xưa tao thế này... ngày xưa cụ tam đại nhà ta ấy mà... Thân phận quân tốt đen, tốt hỉn trong đời, thế nào cũng được, nhưng chắc chắn không phải là con nhà địa chủ chạy chết thay tên đổi họ đi tha phương. Không, chỉ là bố mẹ Ngũ chẳng bao giờ nghĩ đến dòng giống và cái thằng Ngũ cũng chưa khi nào được viết mấy bản sao sơ yếu lý lịch nộp vào cửa cơ quan. Cũng có một lần viết sơ yếu bình bầu “huân, huy” kháng chiến chống Mỹ. Chỉ có mục ghi tên bố, tên mẹ. Bởi vậy, Ngũ coi như không có, không biết. Ở đời, ai chẳng có sự tích ông bà ông vải, có người đem ra tân trang mua bán được, có người chẳng để làm gì thì quên đi.

Những cái tôi biết về mẹ thằng Ngũ, tôi cũng chẳng khi nào nói với nó. Ngũ chẳng cần. Lý lịch nhà nó không bán được như tào phớ. Mà Ngũ không có cơ hội khai để nhận công trạng, chức tước “huân, huy” ở đâu.

Các vùng quê tôi cũng như mọi vùng quanh thành phố, cày cuốc đồng áng, vườn ruộng trồng rau trồng hoa, nhưng cũng lại còn kiếm ăn bằng đủ thứ nghề trông vào đời sống thành phố. Người đàn bà “mũi thung” ở Kẻ Noi đi gấp phân về bón rau cải bắp. Ở Thanh Nhàn, cả làng xách hòm vào phố húi đầu. Ở Thủ Lệ, giặt chăn đệm các nhà thương, trại lính. Làng Cổ Nhuế may quần áo lính cho sở Anh-tăng-đăng nhà binh. Kẻ Bùng dệt màn the, làm lò rèn dao kéo. Người Lai Xá kháo nhau đi bồi bếp và chụp ảnh. Làng Thụy nấu rượu, bán bún chả bún ốc, chè đậu hoa cau. Các chị trên Sù, Gạ thì gánh ra Kẻ Chợ bán đúc ngô, cháo sườn. Đàn ông như Thạch Sanh đòi việc, vác cửa vác rìu đi các phố hỏi xẻ gỗ, hạ cây bồ củi thuê. Các làng áp cửa ô trồng rau diếp, hoa huệ, rồi việc vườn, đi phu hồ, đi kéo xe, đi ăn mày. Con gái lén lút làm nhà thổ đi đêm về hôm chẳng mấy làng không có. Những người chẳng kiếm được nghề ngỗng ra hồn thì quẩy nước, đào ao chuôm lăn lững kiếm cái ăn lần hồi. Ra được phố xá đã là sướng hơn người ở làng.

Cái Sâm không phải con chú thím tôi đẻ ra. Chú thím tôi nghèo lại hiếm, của chẳng có,

con không. Ông cả đời đi làm mướn, gánh nước, rào vườn, trèo cau, không việc gì không làm. Bà cấp cái thúng nhồi đi vá thuê cho các nhà đông con. Sớm tinh mơ kia có một người làng trong đi bán cẳng ngô qua cánh đồng, nghe bên ruộng cày có tiếng e é như chuột đuổi nhau, lại như tiếng trẻ oe oe. Đặt gánh vào xem, thấy ở một luống cày vỡ, trong cái tã nâu, một đứa trẻ đỏ hồng đang ngoạ như con chuột chưa mở mắt. Người ấy nhắc gánh cẳng ngô, ôm cái tã vào thẳng nhà chú thím tôi. Những việc cứu một sinh linh như thế được coi là làm phúc, người nghèo làm phúc rồi được phúc. Thường ngày, người này quẩy cẳng ngô, đem gạo vào bán trong xóm, đã biết gia cảnh chú thím tôi. Chú thím tôi nghèo vậy chứ nghèo nữa, được đứa hài nhi bơ vợ chỉ còn đợi chết như thế, khác đâu trời cho, dù nó là con gái. Con gái cũng là đầu con - con gái ngoan còn bằng vạn đứa con trai bất hiếu, thường có câu an ủi thế ở những nhà sinh con một bề.

Đây là gốc tích cái Sâm. Chẳng sinh ra, nhưng được nuôi từ lọt lòng cũng bằng mang nặng đẻ đau. Xóm giếng ý tứ và thương chú thím tôi, chẳng ai nhắc đến câu chuyện con nuôi con đẻ. Nhưng rồi đến khi nhớn nhao, Sâm cũng biết. Con bé đáo để, đàn hanh, sinh sự. Trẻ con chửi nhau như ngựa mồm hát, chẳng ai để ý. Không ngờ có những đứa vỡ đít vỡ đôi “con chó đại mắt hiếng kia...

cái đứa đẻ hoang, cái đứa đẻ rơi... mà là con cáo, con chuột ngoài bãi tha ma... cái đứa không cha không mẹ, mà biết thân mà chưa?” Người lớn ngớ ra nhìn nhau. Lũ trẻ tai ác đã tường tận câu chuyện tưởng không ai nói ra bao giờ. Kỳ tình, nhà ai mà chẳng đã rỉ tai nhau từ bao năm nay rồi.

Sâm xám mặt xông vào như điên. Cào cấu, nắm tóc, đánh xé. Nhưng rồi cũng chẳng bao giờ Sâm hỏi lại bố mẹ cho ra nhẽ. Sâm âm thầm xấu hổ, xót xa.

Chẳng mấy lâu đã đến tuổi mười bốn, mười lăm. Ở tuổi ấy, con gái trong làng, đã có thể nhà này nhà kia rấp ranh, ngấp nghé. Gái mười lăm đi lấy chồng được khen nhà trai khéo chọn người hay lam hay làm, mười tám đương đẹp, hai mươi vừa chín. Ngoài hai mươi, cái lo cứ vùn vụt, đã ra chiêu bà cô - “bà cô ông mãnh”. Cái Sâm xấp xỉ mười lăm, mẽ xinh gái. Không ai nói, và cũng không phải vì chú thím tôi nghèo, người ta cho là thân phận cái Sâm dù nhan sắc mấy cũng khó được làm dâu con ở nơi ăn chốn ngồi tử tế. May lắm cũng chỉ được đến thân phận vợ lẽ, vợ kế thôi. Còn có, ngay từ những năm trước, khi những đứa độc mồm riếc móc, Sâm đã biết nghĩ khốn khổ thế. Thấm thía, đau đớn. Không phải con đẻ nhà người ta, cũng không được là con trai, con trai như cái gậy chọc đầu cũng được, con gái đành ngồi đấy. Đến tuổi, như cái quán hàng đương buổi chợ, kẻ mua

người bán. Những đứa trạc tuổi lấy chồng đã vãn cả. Đàng này hiu quạnh như tờ. Sâm ứa nước mắt.

Năm ấy, hội Tây ngoài Kẻ Chợ nghe đồn không biết có gì mới mà cái Sâm có cảm tưởng như đông vui hơn mọi khi. Cờ tam tài xanh trắng đỏ, cái to bằng chiếc chiếu, cái nhỏ như quạt nan, la liệt, phấp phới. Hội Tây tháng Sáu nhớ chẳng khác hội làng tháng Ba có tế, có rước long đình trên quán xuống đình. Làng đón phường Bắc về chèo hát ba đêm liền. Hôm tiệc chính, thui bò việc làng. Từng xóm, từng giáp mổ lợn, chia phần. Trẻ con hí hửng, tiu tit cắp rá để lấy phần đám việc làng, việc hàng giáp, nhà nhà giết gà thổi xôi cúng. Nghèo lỗ đít cũng phải chạy tiền mua miếng thịt lợn đặt với hương hoa trên bàn thờ. Cả đến con gái không đi việc làng việc giáp như con trai mà cũng đóng bộ đẹp như Tết nhất. Khắp nơi rộn rịch. Lá cờ “kỳ” có chữ “thần” đại tự cuộn cuộn bên bờ sông giữa những cán cờ đuôi nheo đỏ đỏ vàng vàng bay rối rít. Chiếc trống cái đặt giữa sân đình thòm thòm đánh từ sáng sớm liền hồi.

Hội Tây chỉ rầm rĩ ngoài đường và độc có trẻ con nháo nhác hơn hở. Chiều hôm trước, các ông tổng lý làng ven nội, các trưởng phố, từng bọn khăn đóng áo dài tề chỉnh lễ mẽ xách bu gà, bu thỏ lên đồn lễ mừng quan Tây giám binh khổ xanh đồn Bưởi, đồn Đuôi Cá, ở Ấp ngoại ô và các bộp đội xếp quan cấm Hàng Trống, Hàng Đậu trong phố.